

Bản án số: 320/2023/HN-ST

Ngày: 12-09-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Chí Hậu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Anh T;
2. Bà Trần Thị Kim Ngân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 12 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 183/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 05 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 08 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *NgU đơn:* Bà Hà Thị N, sinh năm 1980;

Địa chỉ: thôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Duy T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà Hà Thị N có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Lê Duy T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ngU đơn bà Hà Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Duy T tự nguyện kết hôn vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách. Sau khi kết hôn thời gian đầu sống cũng hạnh phúc, nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. NgU nhân là do ông Lê Duy T chỉ lo ăn chơi, không lo làm ăn để lo cho cuộc sống vợ, con nên vợ chồng thường xU xảy ra tranh cãi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện bà và ông T đã sống ly thân khoảng 03 năm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu

cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hà Duy K, sinh ngày 24/10/2012 và Lê Hà Nhã U, sinh ngày 17/12/2016 hiện đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

NgU đơn bà Hà Thị N có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa; đồng thời có đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được; còn bị đơn ông Lê Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ngU đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị N và ông Lê Duy T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách vào ngày 21/03/2012 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà N, ngU nhân vợ chồng mâu thuẫn là do ông Lê Duy T chỉ lo ăn chơi, không lo làm ăn để lo cho cuộc sống vợ, con nên vợ chồng thường xU xảy ra tranh cãi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện bà N và ông T đã sống ly thân được 03 năm. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Hà Thị N và ông Lê Duy T thực tế là có xảy ra và giữa hai đã có thời gian sống ly thân khoảng 03 năm. Với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông, bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành thông báo cho ông T đến tham hòa giải nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng

ông T không đến và tại phiên tòa ông T tiếp tục vắng mặt; còn bà N thì yêu cầu không tiến hành hòa giải và xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hà Thị N đối với ông Lê Duy T là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận bà N không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, bà Hà Thị N và ông Lê Duy T có 02 con chung tên Lê Hà Duy K, sinh ngày 24/10/2012 và Lê Hà Nhã U, sinh ngày 17/12/2016 hiện đang sống chung với bà N. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung của bà N là chính đáng, hiện hai con chung còn nhỏ tuổi, cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, đồng thời cháu Lê Hà Duy K có nguyện vọng được sống chung với bà N. Vì vậy việc giao hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên được xem xét chấp nhận. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 147, 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hà Thị N đối với ông Lê Duy T. Cụ thể tU:

Bà Hà Thị N được ly hôn với ông Lê Duy T. Ghi nhận bà Hà Thị N không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Hà Thị N được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Lê Hà Duy K, sinh ngày 24/10/2012 và Lê Hà Nhã U, sinh ngày 17/12/2016 (Phù hợp với nguyện vọng của cháu K). Ghi nhận bà Hà Thị N không yêu cầu ông Lê Duy T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Duy T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp ông Lê Duy T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của bà N, ông T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3/- Về tài sản chung: Bà Hà Thị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/- Về nợ chung: Bà Hà Thị N khai không có nên không xét đến.

5/. Về án phí:

Bà Hà Thị N phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004406 ngày 25/05/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Bà Hà Thị N đã nộp đủ án phí.

6/. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**Lê Chí Hậu**

